

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/DS-ST  
Ngày 09/10/2018  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Phước  
2. Ông Nguyễn Bá Tông

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** ông Trần Cao L - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2018/TLST-DS ngày 20/8/2018, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXX-ST ngày 11/9/2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

***- Bị đơn:*** 1. Bà Lê Kim T (Lủ), sinh năm 1956.

2. Anh Lê Thanh H, sinh năm 1979 (Người đại diện theo ủy quyền bà Lê Kim T, sinh năm 1956)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự và Người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2018, thay đổi bổ sung ngày 11/9/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày:

Vào ngày 07/7/2017 âm lịch (ngày 28/8/2017 dương lịch), bà P cho bà T vay (mượn) số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng, bà T có ký tên

vào “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 07/7/2017. Sau khi nhận 20.000.000 đồng thì bà T đóng lãi được 5 tháng tổng cộng 5.000.000 đồng thì ngưng đến nay chưa trả vốn vay 20.000.000 đồng.

Đến ngày 22/01/2018 âm lịch (ngày 09/3/2018 dương lịch), bà P tiếp tục cho anh Lê Thanh H (là con của bà T) mượn thêm 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng. Anh H có ký tên “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 22/01/2018 âm lịch. Sau khi vay khoảng 03 ngày thì anh H trả vốn được 10.000.000 đồng và đóng lãi được 1.000.000 đồng, còn nợ vốn 10.000.000 đồng đến nay. Nay bà P yêu cầu bà Lê Kim T trả số tiền 20.000.000 đồng, không tính lãi; và yêu cầu anh Lê Thanh H trả số tiền 10.000.000 đồng, không tính lãi.

*Theo tờ tường trình ngày 05/9/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, Bị đơn bà Lê Kim T trình bày:*

Bà T có mượn tiền của bà P nhiều lần, mỗi lần vay từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tổng cộng vốn mượn nhiều lần chưa trả là 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000đ/ngày, đã trả góp được 200.000 đồng/ngày x 29 ngày = 5.800.000 đồng. Đến ngày 07/7/2017 âm lịch, bà P viết “Giấy hợp đồng mượn tiền” nội dung ghi bà T mượn của bà P 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng, và yêu cầu bà T ký tên.

Nay bà T thừa nhận còn nợ bà P 20.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà P 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T yêu cầu căn trừ tiền trả góp 5.800.000 đồng vào nợ vay phải trả.

*Theo các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, Bị đơn anh Lê Thanh H (ủy quyền cho bà T) trình bày:*

Anh H không thừa nhận có vay của bà P 20.000.000 đồng. Anh H trình bày do bà T (mẹ anh H) bị người khác đòi nợ (siết nợ) nên ngày 22/01/2018 âm lịch, anh H và bà T đến hỏi vay mượn tiền của bà P để trả nợ thì bà P chỉ đồng ý cho anh H vay mượn 10.000.000 đồng nhưng lại bắt buộc anh H ký tên vào “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 22/01/2018 âm lịch nội dung ghi anh H mượn 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng. Anh H hỏi lý do thì bà P và bà T giải thích là bà T có mượn tiền bà P nhiều lần còn nợ 10.000.000 đồng nên phải ghi chung như vậy. Đồng thời bà T yêu cầu anh H ký tên, nên anh H buộc phải ký tên vào “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 22/01/2018 âm lịch (nội dung ghi anh H mượn 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng). Sau khi vay 03 ngày thì anh H đã trả 10.000.000 đồng xong nhưng bà P không làm biên nhận. Nay anh H không đồng ý trả tiếp cho bà P số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của bà P.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thống nhất với trình tự thủ tục thụ lý, hòa giải, giải quyết, xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật khi tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và

Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết, mở phiên tòa xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P, buộc các bị đơn trả nợ vay có điều chỉnh lãi suất và căn trừ tiền lãi đã đóng theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Thời hiệu khởi kiện còn trong thời hạn pháp luật quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P về việc yêu cầu bị đơn bà Lê Kim T trả nợ vay 20.000.000 đồng. Bà Lê Kim T thừa nhận có mượn tiền của bà P nhiều lần và còn nợ tổng cộng 20.000.000 đồng, nay bà T cũng đồng ý trả cho bà P 20.000.000 đồng nhưng yêu cầu căn trừ số tiền trả góp 5.800.000 đồng vào nợ vay. Như vậy, bà P yêu cầu bà T trả 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét phần tiền lãi đã đóng: bà T cho rằng đã trả góp được 5.800.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh trong khi bà P chỉ thừa nhận bà T đã đóng tiền lãi tổng cộng 5.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xác định bà T có đóng lãi được 5.000.000 đồng. Xét thấy lãi suất và tiền lãi mà bà T đã đóng vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định nên phải điều chỉnh lại và trừ vào nợ vay phải trả, cụ thể là tiền lãi điều chỉnh lại tính từ thời điểm cho vay đến thời điểm xét xử là  $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 2.324.000 \text{ đồng}$ , căn trừ vào tiền lãi đã đóng 5.000.000 đồng thì bà T còn phải trả cho bà P nợ vay là  $20.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} - 2.324.000 \text{ đồng}) = 17.324.000 \text{ đồng}$ .

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P về việc yêu cầu bị đơn anh Lê Thanh H trả nợ vay 10.000.000 đồng nhưng anh Lê Thanh H không đồng ý vì cho rằng không vay của bà P 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: bà P khai cho anh H vay (mượn) 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng với chứng cứ là “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 22/01/2018 âm lịch nội dung ghi anh H mượn 20.000.000 đồng có anh H ký tên, đến nay anh H chỉ trả vốn được 10.000.000 đồng và đóng lãi được 1.000.000 đồng, còn nợ vốn 10.000.000 đồng, nhưng anh H cho rằng anh H chỉ vay của bà P 10.000.000 đồng, đã trả vốn xong, còn nguyên nhân anh H ký tên vào “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 22/01/2018 âm lịch (nội dung ghi anh H mượn 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng) là do bà P và mẹ anh H là bà Lê Kim T yêu cầu. Bản thân bà Lê Kim T (là mẹ anh H) cũng thừa nhận là bà T yêu cầu anh H ký tên vào “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 22/01/2018 âm lịch (nội dung ghi anh H mượn 20.000.000 đồng) là do bà T còn nợ bà P 10.000.000 đồng. Xét thấy ngoài lời khai tại Tòa án ra thì anh H, bà T không cung

cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh ý kiến, yêu cầu của anh H, bà T là đúng sự thật trong khi bà P không thừa nhận lời khai của anh H và bà T. Phía bà T cũng không giải thích được tại thời điểm bà T yêu cầu anh H ký tên vào “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 22/01/2018 âm lịch (nội dung ghi anh H mượn 20.000.000 đồng) là do bà T còn nợ bà P 10.000.000 đồng nhưng thực tế bà T đang còn nợ bà P 20.000.000 đồng theo “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 07/7/2017 âm lịch.

Như vậy, căn cứ vào “Giấy hợp đồng mượn tiền” ngày 22/01/2018 âm lịch và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định anh H có vay của bà P số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng, đã trả 10.000.000 đồng, đóng lãi được 1.000.000 đồng, còn nợ vốn 10.000.000 đồng. Nay bà P yêu cầu anh H trả nợ vay 10.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Còn anh H cho rằng anh H chỉ vay bà P 10.000.000 đồng, đã trả xong, không còn nợ là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, đối với phần tiền lãi đã đóng 1.000.000 đồng: xét thấy lãi suất và tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định nên phải điều chỉnh lại và căn trừ vào nợ vay phải trả, cụ thể tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng còn nợ tính từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử là  $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 581.000 \text{ đồng}$ , căn trừ vào tiền lãi đã đóng thì anh H còn phải trả cho bà P nợ vay là 10.000.000 đồng - (1.000.000 đồng - 581.000 đồng) = 9.581.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ vay theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều: 26, 35, 91, 92, 95, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều: 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết P về việc yêu cầu bà Lê Kim T và anh Lê Thanh H trả nợ vay.

Buộc bà Lê Kim T trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết P nợ vay 17.324.000 đồng.

Buộc anh Lê Thanh H trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết P nợ vay 9.581.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Tuyết P đã nộp 750.000 đồng được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm phải nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết P số tiền tạm ứng án phí còn lại 450.000 đồng theo biên lai số 03328 ngày 20/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Lê Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 866.200 đồng.

- Anh Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 479.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự.
- Viện KSND huyện C.
- Chi cục THADS huyện C.
- TAND tỉnh Đồng Tháp.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VTTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Hưng**

